TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2025/DS-PT
Ngày: 20/9/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuý.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Túc và bà Huỳnh Thị Hồng Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và ngày 20 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án Thụ lý số: 34/2025/TLPT-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2025/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi (nay là Toà án nhân dân Khu vực 1), tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 116/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 152/2025/QĐ-PT ngày 08/9/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn B , sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn Nam Bình, xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh (nay là xã Sơn Tịnh), tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt

- *Bị đơn:* Anh Trần Ngọc H , sinh năm 1989;

Địa chỉ: xã Bình Chương, huyện Bình Sơn (nay là xã Bình Chương), tỉnh Quảng Ngãi;

Chỗ ở hiện nay: phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi (nay là phường Nghĩa Lộ), tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

- *Người kháng cáo:* Anh Trần Ngọc H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2024, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn B trình bày:*

Trong quá trình làm ăn anh Nguyễn B và anh Trần Ngọc H quen biết nhau. Vì cần tiền để làm ăn và do tin tưởng nên anh đã cho anh H vay số tiền 381.000.000 đồng, anh H hẹn đến tháng giêng (tức hết tháng 01 âm lịch năm 2023) sẽ trả tiền cho anh theo giấy vay tiền ngày 21/01/2023. Tuy nhiên, hết thời hạn vay đã lâu, nhiều lần anh B đến nhà gặp để yêu cầu anh H trả nợ nhưng anh H hứa hẹn, gọi điện thoại anh H không nghe máy. Việc anh H không trả nợ như đúng cam kết ảnh hưởng rất lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh về tài sản.

Nay, anh Nguyễn B yêu cầu giải quyết: Buộc anh Trần Ngọc H phải trả cho anh số tiền 381.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 21/01/2023, không yêu cầu tiền lãi. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu anh H trả số tiền 65.273.973 đồng, yêu cầu anh H trả cho anh số tiền gốc 300.000.000 đồng sau khi trừ số tiền thu lợi bất chính 15.726.027 đồng và không yêu cầu tính lãi.

** Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên toà bị đơn là anh Trần Ngọc H trình bày:*

Anh có quán cà phê và bida tên quán FCBV tại tổ 5, phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi; anh Nguyễn B hay đến chơi nên hai bên quen biết nhau. Khoảng tháng 9/2022, anh hỏi vay tiền của anh Nguyễn B 2 lần với số tiền 100.000.000 đồng, lần đầu vay 60.000.000 đồng và lần hai vay 40.000.000 đồng với lãi suất là 10%/ tháng, anh trả lãi được 1 năm với số tiền 96.000.0000 đồng. Hai bên có viết giấy vay số tiền 100.000.000 đồng nhưng sau đó số tiền vay này được gộp chung ghi trong giấy mượn tiền ngày 21/01/2023. Vì anh B kêu xã hội đen đến gây áp lực, đe dọa và anh sợ vợ biết nên anh đã viết và ký vào giấy mượn tiền đề ngày 21/01/2023 với số tiền vay 381.000.000 đồng, nhưng thực tế anh chỉ vay 100.000.000 đồng.

Nay anh B khởi kiện thì anh đồng ý trả 100.000.000 đồng, còn số tiền 281.000.000 đồng anh không đồng ý. Tuy nhiên, hiện nay anh khó khăn không đủ điều kiện để trả cho anh B .

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2025/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Nguyễn B .

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn B đối với yêu cầu anh Trần Ngọc H trả số tiền 65.273.973 đồng.

2. Buộc anh Trần Ngọc H phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn B số tiền 300.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, tiền lãi chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 24, 25/4/2025 và ngày 13/5/2025, anh Trần Ngọc H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, kháng cáo bổ sung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ bản án dân sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định là hợp lệ theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm về việc khấu trừ số tiền anh Trần Ngọc H đã trả cho anh Nguyễn B số tiền 41.000.000 đồng. Về án phí, các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và xác định quan hệ pháp luật:

Ngày 11/4/2025, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử vụ án. Ngày 24, 25/4/2025 và ngày 13/5/2025, anh Trần Ngọc H có đơn kháng cáo, kháng cáo bổ sung, đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định và hợp pháp, đúng phạm vi kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, được chấp nhận thụ lý xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về xác định quan hệ pháp luật: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả nợ tiền theo giấy mượn tiền ghi ngày 21/01/2023. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "*Hợp đồng vay tài sản*" là có căn cứ.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn là anh Trần Ngọc H , thì thấy rằng:

Xuất phát từ việc quen biết và tin tưởng nên anh Trần Ngọc H và anh Nguyễn B có quan hệ vay mượn tiền và trả nợ nhiều lần từ năm 2022. Đến ngày 21/01/2023 giữa anh B và anh H đã chốt số tiền anh H còn nợ anh B , anh H đã viết giấy mượn tiền có nội dung: *Hôm nay là ngày 21/01/2023, tôi có mượn của ông Nguyễn B số tiền là 381.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi mốt triệu đồng)….*

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, anh Trần Ngọc H thừa nhận giấy mượn tiền đề ngày 21/01/2023 do anh viết và ký tên, nhưng khi viết là có sự ép buộc, đe doạ và anh sợ vợ biết nên anh viết và ký, anh chỉ công nhận số tiền anh còn nợ anh B là 100 triệu đồng và sau khi viết giấy ngày 21/01/2023 anh đã trả nợ rất nhiều lần Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi đã xác minh làm rõ số tài khoản anh chuyển khoản cho anh B , ngoài ra anh B lấy một số cây cảnh có giá trị để cấn trừ nợ nên anh xác định không còn nợ anh B .

Tại bản tự khai, bản tường trình và biên bản ghi lời khai cùng ngày 12/10/2023 tại Phòng Cảnh sát hình sự công an tỉnh Quảng Ngãi (bút lục 120-122) anh H khai: *....bên cạnh vay số tiền 100.000.000 đồng của anh B thì tôi có mượn tiền của anh B để đầu tư vào việc kinh doanh, số tiền mượn này anh B không lấy tiền lãi. Đến đầu tháng 01/2023, công việc kinh doanh của tôi thua lỗ, lúc này tôi và anh Nguyễn B thống nhất chốt số tiền vay mượn, cụ thể tôi còn nợ anh B tổng số tiền 380.000.000 đồng và tôi có viết giấy nợ cho anh B .....*

Tại bản Kết luận điều tra số 99/BKL-CSĐT ngày 24/6/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi thể hiện: …. *Anh Nguyễn B khai nhận cho anh Trần Ngọc H vay hai lần với tổng số tiền là 100.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 10%/tháng. Ngoài ra, anh H còn nhiều lần mượn tiền của đối tượng B để lo công việc gia đình và làm ăn không tính lãi (mượn tiền mặt) với tổng số tiền là 280.000.000 đồng. Từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2022, B đã thu tiền lãi của anh H là 20.000.000 đồng. Trong đó, lãi suất phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự là 4.273.973 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định 15.726.027 đồng. Đến tháng 01/2023, anh H không có khả năng trả lãi nên đã thống nhất chốt số tiền vay mượn là 380.000.000 đồng. Anh H và B thống nhất không phát sinh tiền lãi hàng tháng. Tuy nhiên, anh H khai báo từ tháng 10/2022 đến tháng 7/2023, anh H đã trả số tiền lãi cho B là 96.000.000 đồng. Tất cả việc trả lãi bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 0271001082201 của B . Căn cứ vào kết quả sao kê tài khoản số 0271001082201 của đối tượng B , từ ngày 02/10/2022 đến ngày 01/9/2023, anh Trần Ngọc H đã chuyển vào tài khoản của B với số tiền 139.800.000 đồng. Tuy nhiên, không có căn cứ xác định được đây là số tiền gì vì ngoài số tiền 100.000.000 đồng anh H*

vay của đối tượng B có tính lãi ra thì anh H còn giao dịch khác với đối tượng B …

Tại cấp sơ thẩm, anh H có cung cấp cho Toà án 01 USB ghi lại sự việc anh B cho xe đến cẩu các cây cảnh của anh H vào tháng 5/2023; ngoài ra, anh H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh anh bị đe dọa, buộc phải viết giấy mượn tiền đề ngày 21/01/2023. Đến tại thời điểm xét xử phúc thẩm anh H vẫn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh anh bị đe dọa, buộc phải viết vào giấy mượn tiền đề ngày 21/01/2023. Như vậy, lời trình bày của anh B , anh H về việc vay mượn tiền và viết giấy mượn tiền ghi ngày 21/01/2023 là phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ mà nguyên đơn cung cấp để làm căn cứ khởi kiện.

Tại kết luận điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra đã kết luận số tài khoản giao dịch mà anh B chuyển tiền cho anh H là số tài khoản 0271001082201. Căn cứ vào kết quả sao kê tài khoản số 0271001082201 của anh B , từ ngày 02/10/2022 đến ngày 01/9/2023, anh Trần Ngọc H đã chuyển vào tài khoản của B với số tiền 139.800.000 đồng. Tại phiên toà phúc thẩm phát sinh tình tiết mới do anh H cung cấp; cấp phúc thẩm xem xét đánh giá chứng cứ mới là lệnh chuyển tiền của anh cho anh Nguyễn B . Đối chiếu với số tài khoản thụ hưởng và thời gian phát sinh kể từ ngày 21/01/2023 số tiền đã chuyển là 41.000.000 đồng, nguyên đơn anh Nguyễn B không chứng minh việc anh B và anh H có giao dịch nào khác ngoài khoản tiền vay mượn ngày 21/01/2023, do đó có căn cứ khấu trừ số tiền anh B đã trả là 41.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; sửa một phần bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 41.000.000 đồng x 5% = 2.050.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 9.525.000 đồng tạm ứng án phí anh B đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003603 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Quảng Ngãi), hoàn trả cho anh B số tiền 7.475.000 đồng.

Buộc bị đơn ông Trần Ngọc H phải chịu 259.000.000 đồng x 5% = 12.950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2].Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên anh Trần Ngọc H không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho anh H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai số 0001443 ngày 06/6/2025 của Chi cục Thi

hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Quảng Ngãi).

[4]. Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đúng quan điểm của Tòa án được ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 244; Điều 293; khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Trần Ngọc H ; sửa Bản án số: 16/2025/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Toà án nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ngãi).

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Nguyễn B .

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Nguyễn B đối với yêu cầu anh Trần Ngọc H trả số tiền 65.273.973 đồng *(Sáu mươi lăm triệu, hai trăm bảy mươi ba nghìn, chín trăm bảy mươi ba đồng)*.

2. Buộc anh Trần Ngọc H phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn B số tiền 259.000.000 đồng *(Hai trăm năm mươi chín triệu đồng).*

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Nguyễn B phải chịu án phí sơ thẩm là 2.050.000 đồng *(Hai triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng)*, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp 9.525.000 đồng *(Chín triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003603 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Quảng Ngãi). Hoàn trả cho anh Nguyễn B số tiền 7.475.000 đồng *(Bảy triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)*.

- Buộc anh Trần Ngọc H phải chịu 12.950.000 đồng *(Mười hai triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trần Ngọc H không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho anh Trần Ngọc H 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*,

theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001443 ngày 06/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Quảng Ngãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND KV 1-Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THADS KV1-Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Thị Thuý